

tiếp điều khiển phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 26 của Nghị định này;

n) Các hành vi vi phạm quy định về màu sơn, biển báo dấu hiệu nhận biết của xe chở trẻ em mầm non, học sinh quy định tại Điều 27 (điểm c, điểm d khoản 3) và hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điều 26 (điểm c, điểm d khoản 6), trong trường hợp cá nhân kinh doanh vận tải là người trực tiếp điều khiển phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại các điểm, khoản tương ứng của Điều 26 của Nghị định này;

o) Các hành vi vi phạm quy định về chở hàng siêu trường, siêu trọng, chở quá khổ, quá tải, quá số người quy định tại Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 34 và các hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điều 32, trong trường hợp chủ phương tiện là người trực tiếp điều khiển phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 32 của Nghị định này;

p) Các hành vi vi phạm quy định về vận chuyển hàng hóa là phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị kỹ thuật, hàng dạng trụ quy định tại Điều 21 (điểm a khoản 10) và hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điều 32 (điểm đ khoản 13), trong trường hợp chủ phương tiện là người trực tiếp điều khiển phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại điểm đ khoản 13 Điều 32 của Nghị định này;

q) Các hành vi vi phạm quy định về niêm yết thông tin (hành trình chạy xe) quy định tại Điều 20 (điểm k khoản 3) và hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điều 26 (điểm g khoản 4), trong trường hợp cá nhân kinh doanh vận tải là người trực tiếp điều khiển phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 26 của Nghị định này;

r) Các hành vi vi phạm quy định về không thực hiện đúng các nội dung thông tin đã niêm yết (tuyến đường, lịch trình, hành trình vận tải) quy định tại Điều 20 (điểm c khoản 3) và các hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điều 26 (điểm b khoản 7), trong trường hợp cá nhân kinh doanh vận tải là người trực tiếp điều khiển phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 26 của Nghị định này;

s) Các hành vi vi phạm quy định về lệnh vận chuyển, giấy vận tải quy định tại Điều 20 (điểm e khoản 5), Điều 21 (điểm đ khoản 2) và hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điều 26 (điểm đ khoản 2), trong trường hợp cá nhân kinh doanh vận tải là người trực tiếp điều khiển phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 26 của Nghị định này;

t) Các hành vi vi phạm quy định về vận chuyển hàng hoá nguy hiểm mà không làm sạch hoặc không bóc (xóa) biểu trưng nguy hiểm trên phương tiện khi không tiếp tục vận chuyển loại hàng hóa đó quy định tại Điều 23 (khoản 1) và hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điều 26 (điểm e khoản 2), trong trường

hợp cá nhân kinh doanh vận tải là người trực tiếp điều khiển phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 26 của Nghị định này.

4. Đối với những hành vi vi phạm quy định về tải trọng, khổ giới hạn của phương tiện, của đường bộ quy định tại Điều 21, Điều 34 của Nghị định này, trong trường hợp chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vừa thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điều 21, vừa thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điều 34 của Nghị định này thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm; đối với những hành vi vi phạm được quy định tại điểm a khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 34 của Nghị định này, trong trường hợp chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vừa thực hiện hành vi vi phạm quy định về tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của xe, vừa thực hiện hành vi vi phạm quy định về tải trọng trục xe thì bị xử phạt theo quy định của hành vi vi phạm có mức phạt tiền cao hơn.

5. Đối với các hành vi vi phạm quy định về sử dụng lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác, bảo vệ môi trường, chở người vượt quá quy định được phép chở của phương tiện, vi phạm quy định về tải trọng, khổ giới hạn của phương tiện, của đường bộ vi phạm về chằng buộc vận chuyển hàng hóa quy định tại Điều 12, Điều 17, Điều 20, Điều 21, Điều 26, Điều 32, Điều 34 của Nghị định này, người điều khiển phương tiện, chủ phương tiện, đơn vị kinh doanh vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải, cá nhân, tổ chức vi phạm, xếp hàng lên xe ô tô thì buộc chấm dứt hành vi vi phạm theo quy định cụ thể sau đây:

a) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 2; khoản 7; khoản 9; điểm a khoản 11; điểm b khoản 14 Điều 12 thì buộc thu dọn thóc, lúa, rơm, rạ, nông, lâm, hải sản, máy tuốt lúa trên đường bộ; thu dọn chướng ngại vật, vật cản khác, vật sắc nhọn, chất gây trơn trượt trên đường bộ, hàng hóa, vật tư, hóa chất, chất thải; thu dọn phương tiện, máy móc, thiết bị, biển hiệu, biển quảng cáo theo hướng dẫn của lực lượng chức năng tại nơi phát hiện vi phạm;

b) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 17 thì buộc thu dọn rác, chất phế thải, vật liệu, hàng hóa theo hướng dẫn của lực lượng chức năng tại nơi phát hiện vi phạm;

c) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 2; điểm a, điểm d khoản 5; điểm a, điểm b khoản 6; khoản 7; điểm a, điểm b khoản 8 Điều 21 thì buộc hạ phần hàng quá tải, dỡ phần hàng vượt quá kích thước quy định theo hướng dẫn của lực lượng chức năng tại nơi phát hiện vi phạm;

d) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1; khoản 3; khoản 5 Điều 26 thì buộc hạ phần hàng xếp vượt quá tải trọng cho phép chở của xe trong trường hợp phương tiện được xếp hàng chưa rời khỏi khu vực xếp hàng;

đ) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm đ, điểm e, điểm g khoản 7; điểm c khoản 9; điểm b, điểm c khoản 11; điểm a, điểm b, điểm c khoản 13; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g khoản 14; khoản 15; điểm a,

điểm b khoản 16; điểm g khoản 17 Điều 32 thì buộc hạ phần hàng quá tải, dỡ phần hàng quá khổ theo hướng dẫn của lực lượng chức năng tại nơi phát hiện vi phạm;

e) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1; khoản 2; điểm a, điểm c, điểm d khoản 3; khoản 4; khoản 5 Điều 34 thì buộc hạ phần hàng quá tải, dỡ phần hàng quá khổ theo hướng dẫn của lực lượng chức năng tại nơi phát hiện vi phạm;

g) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 20; khoản 5, khoản 6, các điểm d, đ khoản 17 Điều 32 thì buộc bố trí phương tiện khác để chở số hành khách vượt quá quy định được phép chở của phương tiện;

h) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, điểm đ khoản 8, khoản 10 Điều 21 thì buộc chằng buộc hàng hóa theo quy định; buộc dỡ hàng hóa trên nóc buồng lái; buộc chốt, đóng (cố định) cửa sau, cửa bên thùng xe; buộc sử dụng cơ cấu khóa hãm công-ten-nơ theo quy định.

6. Chủ phương tiện bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này là một trong các đối tượng sau đây:

a) Cá nhân, tổ chức đứng tên trong chứng nhận đăng ký xe;

b) Trường hợp người điều khiển phương tiện là chồng (vợ) của cá nhân đứng tên trong chứng nhận đăng ký xe thì người điều khiển phương tiện là đối tượng để áp dụng xử phạt như chủ phương tiện;

c) Đối với phương tiện được thuê tài chính của tổ chức có chức năng cho thuê tài chính thì cá nhân, tổ chức thuê phương tiện là đối tượng để áp dụng xử phạt như chủ phương tiện;

d) Đối với phương tiện thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã và được hợp tác xã đứng tên làm thủ tục đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô thì hợp tác xã đó là đối tượng để áp dụng xử phạt như chủ phương tiện;

đ) Trường hợp phương tiện do tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng hợp pháp (theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân khác hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật) trực tiếp đứng tên làm thủ tục đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô cho phương tiện, kinh doanh dịch vụ cứu hộ giao thông đường bộ, cứu thương thì tổ chức, cá nhân đó là đối tượng để áp dụng xử phạt như chủ phương tiện;

e) Đối với phương tiện chưa làm thủ tục cấp mới chứng nhận đăng ký xe và biển số xe hoặc chưa làm thủ tục cấp chứng nhận đăng ký xe trong trường hợp thay đổi chủ xe theo quy định thì cá nhân, tổ chức đã mua, được chuyển nhượng, được trao đổi, được tặng cho, được thừa kế là đối tượng để áp dụng xử phạt như chủ phương tiện;

g) Đối với tổ hợp xe (gồm xe ô tô kéo theo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc tham gia giao thông trên đường bộ), trong trường hợp chủ của xe ô tô không đồng thời là chủ của rơ moóc, sơ mi rơ moóc thì chủ của xe ô tô (cá nhân, tổ chức quy định tại điểm a khoản này hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản này) là đối tượng để áp dụng xử phạt như chủ phương tiện đối với các vi phạm liên quan đến rơ moóc, sơ mi rơ moóc được kéo theo tham gia giao thông trên đường bộ.

7. Khi xử phạt đối với chủ phương tiện quy định tại khoản 6 Điều này, thời hạn ra quyết định xử phạt có thể được kéo dài để xác minh đối tượng bị xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

8. Đối với trường hợp hành vi vi phạm hành chính được phát hiện thông qua sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ mà cơ quan chức năng chưa dừng ngay được phương tiện để xử lý thì thực hiện như sau:

a) Cơ quan chức năng gửi thông báo yêu cầu chủ phương tiện và cá nhân, tổ chức có liên quan (nếu có) đến trụ sở cơ quan, đơn vị của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính để giải quyết vụ việc vi phạm. Việc thông báo được thực hiện bằng văn bản hoặc thực hiện thông báo bằng phương thức điện tử thông qua Ứng dụng giao thông trên thiết bị di động dành cho công dân (sau đây viết gọn là Ứng dụng giao thông trên thiết bị di động) do Bộ Công an xây dựng, quản lý, vận hành khi đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin; đồng thời cập nhật thông tin về phương tiện vi phạm trên Trang thông tin điện tử của Cục Cảnh sát giao thông;

b) Chủ phương tiện có nghĩa vụ phải hợp tác với cơ quan chức năng để xác định người đã điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm.

Trường hợp chủ phương tiện là cá nhân, nếu không hợp tác với cơ quan chức năng, không chứng minh hoặc không giải trình được mình không phải là người đã điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm thì bị xử phạt đối với hành vi vi phạm được phát hiện;

Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, nếu không hợp tác với cơ quan chức năng, không giải trình để xác định được người đã điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm thì bị xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức thực hiện hành vi vi phạm được phát hiện, trừ trường hợp phương tiện bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép;

c) Việc chuyển kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính để lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của Chính phủ về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính.

9. Người có thẩm quyền xử phạt được sử dụng các thông tin trong Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Luật Xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về đo lường để làm căn cứ xác định hành vi vi phạm đối với cá nhân, tổ chức khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này.

10. Việc xác minh để phát hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3, điểm h khoản 7 Điều 32 của Nghị định này được thực hiện thông qua công tác điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông; qua công tác đăng ký xe; qua công tác xử lý vụ việc vi phạm hành chính tại trụ sở đơn vị.

11. Trường hợp quá thời hạn hẹn đến giải quyết vụ việc vi phạm được ghi trong biên bản vi phạm hành chính hoặc trong thông báo của người có thẩm quyền xử phạt hoặc quá thời hạn thi hành quyết định xử phạt mà chủ phương tiện vi phạm, người vi phạm chưa thực hiện giải quyết vụ việc vi phạm theo quy định hoặc chưa chấp hành quyết định xử phạt thì người có thẩm quyền xử phạt gửi thông báo cho cơ quan đăng kiểm (đối với phương tiện có quy định phải kiểm định), cơ quan đăng ký xe, cơ quan cấp giấy phép lái xe (nếu đã xác định được người vi phạm). Việc gửi thông báo được thực hiện bằng văn bản hoặc thực hiện thông báo bằng phương thức điện tử thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu khi đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin.

a) Cơ quan đăng kiểm, cơ quan đăng ký xe, cơ quan cấp giấy phép lái xe trước khi thực hiện đăng kiểm, đăng ký xe, cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe có trách nhiệm tra cứu dữ liệu phương tiện vi phạm, người vi phạm được cơ quan Cảnh sát giao thông gửi thông báo đến;

b) Trường hợp khi tra cứu dữ liệu theo quy định tại điểm a khoản này nếu có thông tin về phương tiện vi phạm, người vi phạm thì chưa giải quyết việc đăng kiểm, đăng ký phương tiện vi phạm, chưa cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe đối với người vi phạm;

c) Sau khi chủ phương tiện, người vi phạm đã giải quyết vụ việc vi phạm theo quy định, người có thẩm quyền xử phạt phải gửi thông báo ngay cho cơ quan đăng kiểm, cơ quan đăng ký xe, cơ quan cấp giấy phép lái xe bằng văn bản hoặc theo hình thức kết nối, chia sẻ dữ liệu khi đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin để thực hiện việc đăng kiểm, đăng ký xe, cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe theo quy định.

12. Việc gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính và các biểu mẫu khác trong xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và có thể gửi cho người vi phạm theo tài khoản đã đăng ký trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an (sau đây viết gọn là Cổng dịch vụ công), tài khoản định danh điện tử trên ứng dụng định danh quốc gia, Ứng dụng giao thông trên thiết bị di động khi đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin.

Điều 48. Tạm giữ phương tiện, giấy tờ có liên quan đến người điều khiển và phương tiện vi phạm

1. Để ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hành chính, người có thẩm quyền được phép tạm giữ phương tiện trước khi ra quyết định xử phạt theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 8 Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm được quy định tại các điều, khoản, điểm sau đây của Nghị định này:

a) Điểm g khoản 5; điểm c khoản 6; điểm b khoản 7; điểm a khoản 9; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 11; khoản 12; khoản 14 Điều 6;

b) Điểm a khoản 6; điểm b khoản 7; điểm b khoản 8; điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm k khoản 9; khoản 11 Điều 7;

c) Điểm c khoản 6; điểm a khoản 7; điểm b khoản 8; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 9 Điều 8;

d) Điểm p khoản 1; điểm d khoản 3; điểm b, điểm c, điểm d (trong trường hợp người vi phạm là người dưới 16 tuổi và điều khiển phương tiện) khoản 4; khoản 5 Điều 9;

đ) Khoản 10 (trong trường hợp người vi phạm là người điều khiển phương tiện); điểm a khoản 14 (trong trường hợp người vi phạm là người điều khiển phương tiện) Điều 12;

e) Điểm a khoản 4; điểm a, điểm b khoản 5; khoản 6; điểm b khoản 7; điểm a khoản 8; khoản 9 Điều 13;

g) Điểm a, điểm b khoản 2; điểm a khoản 3; khoản 4 Điều 14;

h) Điểm a, điểm đ khoản 1; điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2; khoản 3 Điều 16;

i) Khoản 1; điểm a khoản 4; khoản 5; khoản 6; khoản 7; khoản 8; khoản 9 Điều 18;

k) Khoản 2 Điều 19;

l) Điểm b, điểm đ, điểm e, điểm h khoản 8; điểm b, điểm đ khoản 9; khoản 10; điểm a khoản 11; điểm a, điểm b, điểm d khoản 12; điểm d khoản 13; điểm i khoản 14; điểm c khoản 16; khoản 17 Điều 32;

m) Điểm b khoản 5 Điều 34;

n) Khoản 3 Điều 35;

o) Các hành vi vi phạm khác quy định tại Nghị định này thuộc trường hợp thật cần thiết cần phải ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hành chính mà nếu không tạm giữ thì sẽ gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội.

2. Để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc để xác minh tình tiết làm căn cứ ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể quyết định tạm giữ phương tiện, giấy tờ có liên quan đến người điều khiển và phương tiện vi phạm một trong các hành vi quy định tại Nghị định này theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1; khoản 2; khoản 6; khoản 7; khoản 8 Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Khi bị tạm giữ giấy tờ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, nếu quá thời hạn hẹn đến giải quyết vụ việc vi phạm ghi trong biên bản vi phạm hành chính, người vi phạm chưa thực hiện giải quyết vụ việc vi phạm theo quy định mà vẫn tiếp tục điều khiển phương tiện hoặc đưa phương tiện ra tham gia giao thông thì bị áp dụng xử phạt như hành vi không có giấy tờ.

3. Đối với trường hợp tại thời điểm kiểm tra, người điều khiển phương tiện không xuất trình được một, một số hoặc tất cả các giấy tờ (giấy phép lái xe, chứng nhận đăng ký xe (hoặc bản sao chứng nhận đăng ký xe có chứng thực kèm theo bản gốc giấy biên nhận còn hiệu lực của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giữ bản gốc chứng nhận đăng ký xe), giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường) theo quy định (bản giấy hoặc thông tin của các giấy tờ được tích hợp trong tài khoản định danh điện tử) thì xử lý như sau:

a) Người có thẩm quyền tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với người điều khiển phương tiện về hành vi không có giấy tờ (tương ứng với những loại giấy tờ không xuất trình được), đồng thời lập biên bản vi phạm hành chính đối với chủ phương tiện về những hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điều 32 của Nghị định này và tạm giữ phương tiện theo quy định;

b) Trong thời hạn hẹn đến giải quyết vụ việc vi phạm ghi trong biên bản vi phạm hành chính, nếu người điều khiển phương tiện kinh doanh vận tải xuất trình được các giấy tờ hoặc thông tin của các giấy tờ được tích hợp trong tài khoản định danh điện tử theo quy định thì người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt về hành vi không mang theo giấy tờ đối với người điều khiển phương tiện và không xử phạt đối với chủ phương tiện;

c) Trong thời hạn hẹn đến giải quyết vụ việc vi phạm ghi trong biên bản vi phạm hành chính, nếu người vi phạm (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này) xuất trình được các giấy tờ hoặc thông tin của các giấy tờ được tích hợp trong tài khoản định danh điện tử theo quy định thì người có thẩm quyền không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm không có giấy tờ, không mang theo giấy tờ và không xử phạt đối với chủ phương tiện;

d) Quá thời hạn hẹn đến giải quyết vụ việc vi phạm ghi trong biên bản vi phạm hành chính, người vi phạm mới xuất trình hoặc không xuất trình được giấy tờ hoặc thông tin của các giấy tờ được tích hợp trong tài khoản định danh điện tử theo quy định thì phải chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định đối với các hành vi vi phạm đã ghi trong biên bản vi phạm hành chính.

4. Khi phương tiện bị tạm giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, chủ phương tiện phải chịu mọi chi phí (nếu có) cho việc sử dụng phương tiện khác thay thế để vận chuyển người, hàng hóa được chở trên phương tiện bị tạm giữ.

Trường hợp khi tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính nhưng người điều khiển phương tiện, chủ phương tiện không có mặt tại nơi xảy ra vi phạm hoặc có mặt nhưng không chấp hành yêu cầu của người có thẩm quyền tạm giữ hoặc không đáp ứng yêu cầu, điều kiện theo quy định để điều khiển phương tiện hoặc phương tiện không bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định thì người có thẩm quyền tạm giữ thực hiện việc di chuyển phương tiện vi phạm về nơi tạm giữ theo quy định; nếu không đủ điều kiện thực hiện thì người có thẩm quyền tạm giữ được thuê tổ chức, cá nhân thực hiện việc di chuyển phương tiện đó. Người điều khiển phương tiện hoặc chủ phương tiện vi phạm phải trả chi phí cho việc thuê di chuyển phương tiện đó về nơi tạm giữ.

Mục 3 **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, THẨM QUYỀN TRỪ ĐIỂM,** **PHỤC HỒI ĐIỂM GIẤY PHÉP LÁI XE**

Điều 49. Dữ liệu về điểm, trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe

Dữ liệu về điểm, trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe được quản lý, lưu trữ trên môi trường điện tử, trong Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ do Bộ Công an xây dựng, quản lý, vận hành.

Điều 50. Nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục trừ điểm giấy phép lái xe

1. Nguyên tắc trừ điểm giấy phép lái xe

a) Việc trừ điểm giấy phép lái xe được thực hiện ngay sau khi quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm mà theo quy định của Nghị định này bị trừ điểm giấy phép lái xe có hiệu lực thi hành;

b) Trường hợp cá nhân thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính hoặc vi phạm hành chính nhiều lần mà bị xử phạt trong cùng một lần, nếu có từ 02 hành

vi vi phạm trở lên theo quy định bị trừ điểm giấy phép lái xe thì chỉ áp dụng trừ điểm đối với hành vi vi phạm bị trừ nhiều điểm nhất;

c) Trường hợp số điểm còn lại của giấy phép lái xe ít hơn số điểm bị trừ thì áp dụng trừ hết số điểm còn lại của giấy phép lái xe đó;

d) Trường hợp giấy phép lái xe tích hợp giấy phép lái xe không thời hạn (xe mô tô, xe tương tự xe mô tô) và giấy phép lái xe có thời hạn (xe ô tô, xe tương tự xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ) thì người có thẩm quyền xử phạt thực hiện trừ điểm đối với giấy phép lái xe không thời hạn khi người điều khiển xe mô tô, xe tương tự xe mô tô hoặc trừ điểm giấy phép lái xe có thời hạn khi người điều khiển xe ô tô, xe tương tự xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ thực hiện hành vi vi phạm hành chính có quy định bị trừ điểm giấy phép lái xe;

đ) Không trừ điểm giấy phép lái xe khi giấy phép lái xe đó đang trong thời hạn bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe.

2. Thẩm quyền trừ điểm giấy phép lái xe

Người có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn quy định tại Chương II Phần thứ hai của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Mục 1 Chương III của Nghị định này và có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm có quy định trừ điểm giấy phép lái xe thì có thẩm quyền trừ điểm giấy phép lái xe đối với hành vi vi phạm đó.

3. Trình tự, thủ tục trừ điểm giấy phép lái xe

a) Ngay sau khi quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành, dữ liệu trừ điểm giấy phép lái xe của người bị xử phạt sẽ được cập nhật tự động vào Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, người có thẩm quyền trừ điểm giấy phép lái xe thông báo cho người bị trừ điểm giấy phép lái xe biết việc trừ điểm.

Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm có trừ điểm giấy phép lái xe thì Trưởng Công an cấp huyện hoặc Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật dữ liệu trừ điểm giấy phép lái xe vào Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

b) Việc thông báo trừ điểm giấy phép lái xe thực hiện bằng văn bản theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Công an và được giao trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc thực hiện thông báo bằng phương thức điện tử thông qua tài khoản của

công dân đăng ký trên Cổng dịch vụ công, Ứng dụng giao thông trên thiết bị di động khi đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin; đồng thời cập nhật thông tin về giấy phép lái xe bị trừ điểm trên Trang thông tin điện tử của Cục Cảnh sát giao thông. Trường hợp giấy phép lái xe được thể hiện dưới hình thức thông điệp dữ liệu thì cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện cập nhật trạng thái trừ điểm giấy phép lái xe trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên ứng dụng định danh quốc gia.

Điều 51. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục phục hồi điểm giấy phép lái xe

1. Thẩm quyền phục hồi điểm giấy phép lái xe

a) Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông có trách nhiệm quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ để thực hiện cập nhật, tự động phục hồi điểm giấy phép lái xe đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông nơi tổ chức kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ có thẩm quyền phục hồi điểm cho giấy phép lái xe đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Trình tự, thủ tục phục hồi điểm giấy phép lái xe đối với trường hợp giấy phép lái xe chưa bị trừ hết điểm và không bị trừ điểm trong thời hạn 12 tháng từ ngày bị trừ điểm gần nhất

a) Khi đủ thời hạn 12 tháng, kể từ ngày bị trừ điểm giấy phép lái xe gần nhất, dữ liệu điểm giấy phép lái xe sẽ được tự động phục hồi đủ 12 điểm (gồm cả giấy phép lái xe đang trong thời hạn bị tước quyền sử dụng) và cập nhật tự động trong Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

b) Ngay sau khi dữ liệu điểm giấy phép lái xe được phục hồi, Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ sẽ tự động chuyển thông tin thông báo cho người được phục hồi điểm giấy phép lái xe biết việc phục hồi điểm theo quy định tại điểm c khoản này;

c) Việc thông báo phục hồi điểm giấy phép lái xe thực hiện bằng phương thức điện tử thông qua tài khoản của công dân đăng ký trên Cổng dịch vụ công, Ứng dụng giao thông trên thiết bị di động; đồng thời cập nhật thông tin về giấy phép lái xe được phục hồi điểm trên Trang thông tin điện tử của Cục Cảnh sát giao thông. Trường hợp giấy phép lái xe được thể hiện dưới hình thức thông điệp dữ liệu thì thực hiện cập nhật trạng thái phục hồi điểm giấy phép lái xe trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên ứng dụng định danh quốc gia.

3. Trình tự, thủ tục phục hồi điểm giấy phép lái xe đối với trường hợp giấy phép lái xe bị trừ hết điểm

a) Sau khi người có giấy phép lái xe bị trừ hết điểm tham gia kiểm tra nội dung kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và đạt yêu cầu, kết quả kiểm tra được cập nhật vào phần mềm kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, dữ liệu điểm giấy phép lái xe sẽ được phục hồi đủ 12 điểm và cập nhật tự động trong Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

b) Ngay sau khi dữ liệu điểm giấy phép lái xe được phục hồi đủ 12 điểm thì người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thông báo cho người được phục hồi điểm giấy phép lái xe biết việc phục hồi điểm;

c) Việc thông báo phục hồi điểm giấy phép lái xe thực hiện bằng văn bản theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Công an và được giao trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc thực hiện thông báo bằng phương thức điện tử thông qua tài khoản của công dân đăng ký trên Cổng dịch vụ công, Ứng dụng giao thông trên thiết bị di động; đồng thời cập nhật thông tin về giấy phép lái xe được phục hồi điểm trên Trang thông tin điện tử của Cục Cảnh sát giao thông. Trường hợp giấy phép lái xe được thể hiện dưới hình thức thông điệp dữ liệu thì cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện cập nhật trạng thái phục hồi điểm giấy phép lái xe trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên ứng dụng định danh quốc gia.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 52. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng

1. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 1 như sau:

“2a. Hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể đối với từng chức danh về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ thì áp dụng quy định tại Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 6 Điều 28 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 6 Điều 28 như sau:

“d) Không thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký, niêm yết về: giá cước; giá dịch vụ; tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 6 Điều 28 như sau:

“i) Sử dụng phương tiện kinh doanh vận tải có chất lượng không bảo đảm điều kiện của hình thức kinh doanh đã đăng ký;”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 10 Điều 28 như sau:

“a) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ, điểm h, điểm l, điểm o, điểm p, điểm r, điểm s, điểm t khoản 4; điểm d, điểm i, điểm k, điểm l, điểm n, điểm q khoản 6; điểm e khoản 7 Điều này bị tước quyền sử dụng phù hiệu từ 01 tháng đến 03 tháng (nếu có hoặc đã được cấp) đối với xe vi phạm;

b) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm i, điểm k khoản 4; điểm h khoản 6; điểm b khoản 7 Điều này bị tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh vận tải từ 01 tháng đến 03 tháng;”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 11 Điều 28 như sau:

“h) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm n khoản 6 Điều này buộc lắp đặt đồng hồ tính tiền cước, thiết bị in hóa đơn trên xe theo đúng quy định;”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 74 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 74 như sau:

“b) Điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ khoản 2; điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 3; khoản 4; điểm b khoản 5; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm h khoản 6 Điều 12;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 Điều 74 như sau:

“e) Điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm i khoản 2; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm p khoản 4; điểm d, điểm i, điểm n, điểm q khoản 6; điểm a, điểm b, điểm c khoản 7 Điều 28;”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 2 Điều 74 như sau:

“g) Điều 31;”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm m khoản 5 Điều 74 như sau:

“m) Điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm i khoản 2; điểm b, điểm c khoản 3; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm h, điểm i, điểm k, điểm l, điểm m, điểm n, điểm o, điểm p, điểm r, điểm s, điểm t khoản 4; điểm a, điểm b, điểm d, điểm h, điểm i, điểm k, điểm l, điểm n, điểm q khoản 6; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e, điểm g, điểm k khoản 7; điểm c, điểm d khoản 8 Điều 28;”;

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm o khoản 5 Điều 74 như sau:

“o) Điều 31;”.

6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 80 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 3 Điều 80 như sau:

“i) Các hành vi vi phạm quy định về giá cước quy định tại Điều 23 (điểm l khoản 3), Điều 31 (khoản 2, khoản 3) và các hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điều 28 (điểm d khoản 6), trong trường hợp cá nhân kinh doanh vận tải là người trực tiếp điều khiển phương tiện hoặc là nhân viên phục vụ trên xe thì bị xử phạt theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 28 của Nghị định này;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm l khoản 3 Điều 80 như sau:

“l) Các hành vi vi phạm quy định về kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng quy định tại Điều 23 (điểm n khoản 5) và các hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điều 28 (điểm p khoản 4), trong trường hợp cá nhân kinh doanh vận tải là người trực tiếp điều khiển phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại các điểm, khoản tương ứng của Điều 28 Nghị định này;”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu khoản 5 Điều 80 như sau:

“5. Đối với các hành vi vi phạm quy định về chờ người vượt quá quy định được phép chờ của phương tiện, vi phạm quy định về tải trọng của phương tiện, của cầu, đường được quy định tại Điều 65 của Nghị định này, người điều khiển phương tiện, chủ phương tiện, đơn vị kinh doanh vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải, cá nhân, tổ chức xếp hàng lên phương tiện giao thông đường sắt buộc chấm dứt hành vi vi phạm theo quy định cụ thể sau đây:”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 82 như sau:

“4. Khi phương tiện bị tạm giữ theo quy định tại khoản 2 Điều này, chủ phương tiện phải chịu mọi chi phí (nếu có) cho việc sử dụng phương tiện khác thay thế để vận chuyển người, hàng hóa được chở trên phương tiện bị tạm giữ.”.

8. Bãi bỏ một số điểm, khoản, điều sau đây:

- a) Bãi bỏ khoản 1 Điều 3;
- b) Bãi bỏ điểm b, điểm e, điểm g, điểm k, điểm l, điểm m, điểm q, điểm r, điểm t, điểm u, điểm v, điểm x, điểm y khoản 2 Điều 4;
- c) Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 4a;
- d) Bãi bỏ Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11;
- đ) Bãi bỏ khoản 1; điểm c khoản 2; điểm a, điểm đ khoản 3; điểm c, điểm d khoản 5; điểm e, điểm g, điểm i khoản 6; khoản 7; điểm a khoản 8 Điều 12;
- e) Bãi bỏ Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22;
- g) Bãi bỏ điểm a khoản 1; khoản 2; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm k, điểm m, điểm n khoản 3; khoản 4; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm h, điểm i, điểm k, điểm l, điểm m, điểm o, điểm p, điểm q khoản 5; khoản 6; khoản 7; khoản 7a Điều 23;
- h) Bãi bỏ khoản 1; khoản 2; khoản 3; điểm b, điểm c khoản 4; khoản 5; khoản 6; khoản 7; khoản 8; khoản 8a; khoản 9 Điều 24;
- i) Bãi bỏ Điều 25, Điều 26, Điều 27;
- k) Bãi bỏ khoản 1; điểm e, điểm g, điểm h khoản 2; điểm a khoản 3; điểm a, điểm e, điểm g, điểm q khoản 4; khoản 5; điểm c, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm m, điểm o, điểm p khoản 6; điểm đ, điểm h, điểm i khoản 7; điểm a, điểm b khoản 8; khoản 9; điểm c, điểm d, điểm đ khoản 10; điểm c, điểm d, điểm i khoản 11 Điều 28;
- l) Bãi bỏ Điều 29, Điều 30, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38;
- m) Bãi bỏ điểm a, điểm đ, điểm h khoản 2; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm g, điểm h, điểm i khoản 3; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm i, điểm k, điểm l khoản 4; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm g, điểm h, điểm i, điểm k, điểm l, điểm n, điểm p, điểm q khoản 5; khoản 6; điểm a, điểm c, điểm d khoản 8 Điều 74;
- n) Bãi bỏ điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm k, điểm n khoản 3; khoản 4; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 5; khoản 8; khoản 10; khoản 12 Điều 80;

o) Bãi bỏ điểm b, điểm g, điểm h, điểm i khoản 1; khoản 6 Điều 81;

p) Bãi bỏ khoản 1, khoản 3 Điều 82.

9. Bỏ một số cụm từ tại các điểm, khoản, điều sau đây:

a) Bỏ cụm từ “camera”, cụm từ “dây an toàn” và cụm từ “thiết bị giám sát hành trình” tại điểm p khoản 2 Điều 4;

b) Bỏ cụm từ “điểm a” tại điểm c khoản 1 Điều 4a;

c) Bỏ cụm từ “Sử dụng trái phép lòng đường đô thị, hè phố để: Hạp chợ; kinh doanh dịch vụ ăn uống; bày, bán hàng hóa; sửa chữa phương tiện, máy móc, thiết bị; rửa xe; đặt, treo biển hiệu, biển quảng cáo;” và cụm từ “, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g khoản 6; khoản 7; điểm a khoản 8 Điều này” tại điểm b khoản 5 Điều 12;

d) Bỏ cụm từ “Điều 9, Điều 10, Điều 11,” tại điểm đ khoản 3, cụm từ “Điều 32, Điều 34;” tại điểm k khoản 3, cụm từ “điểm a khoản 2 Điều 16; điểm a khoản 6 Điều 23; điểm a khoản 2 Điều 32” tại khoản 3a và cụm từ “Điểm a khoản 1,” tại điểm g khoản 4 Điều 74.

Điều 53. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Quy định tại điểm m khoản 3 Điều 6, điểm e khoản 4 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 27 của Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026; quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Nghị định này có hiệu lực thi hành theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường về kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Điều 54. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ xảy ra và kết thúc trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét giải quyết thì áp dụng nghị định đang có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm để xử phạt.

2. Trường hợp hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện, thì áp dụng nghị định đang có hiệu lực tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm để xử phạt.

Điều 55. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP; BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN. pvc 100

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Trần Hồng Hà